TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2023/DS - PT
Ngày 17/7/2023
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Thái

Các Thẩm phán: ông Lê Tự

ông Trần Quốc Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2485/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** ông Cao Đình C, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** ông Cao Thanh M, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Lê Minh T - Luật sư, Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trà Quỳnh L1 - Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Minh T1, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Thanh H, chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Cao Đức M1, sinh năm 1951; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M1*:* ông Cao Đình C

+ Cao Thị Q, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Q*:* bà Cao Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Cao Thị H1, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn B, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1*:* anh Đinh Xuân H2, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn B, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

+ Bà Cao Thị Â, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ dân phố Q, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

+ Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Cao Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: N, bản T, huyện X, tỉnh Khăm Muộn, nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Mai Xuân B1, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Cao Xuân D, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh D*:* Ông Cao Thanh M; Có mặt.

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Cao Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Đình C (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: cụ ông Cao Văn G, chết tháng 11 năm 2004; cụ bà Đinh Thị T2, chết năm 2010 là bố mẹ của ông Cao Đức M1, bà Cao Thị H1, bà Cao Thị Â, bà Cao Thị Đ, bà Cao Thị N ông Cao Thanh M, ông Cao Đình C và bà Cao Thị Q. Hai cụ không có con nuôi, con riêng; hai cụ chết không để lại di chúc. Khi chết hai cụ để lại 01 nhà cấp 4 (đã cũ hỏng, nay không còn) và 04 thửa đất, gồm thửa đất số 34, 42 (nay là các thửa đất số 448, 449 và 450), 46 và 65, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Toàn bộ 04 thửa đất này do vợ chồng ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L đang quản lý, sử dụng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế đối với 04 thửa đất trên và huỷ GCNQSDĐ của Sở Tài nguyên & Môi

trường tỉnh Quảng Bình; của UBND huyện M cấp cho ông M, bà L và những người có nghĩa vụ liên quan khác.

Tại Bản tự khai và tại phiên toà ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L (viết tắt là bị đơn) trình bày: Bị đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn về tên, năm chết và số con của cụ G, cụ T2. Khi đang còn sống và khoẻ mạnh bố mẹ của bị đơn có khai hoang được một số diện tích đất để trồng màu nhưng khi tuổi cao, sức yếu không còn lao động nữa nên hai cụ đã phân chia diện tích đất của mình cho 03 con trai (con gái đi lấy chồng nên không chia đất), nguyên đơn trong vụ án này được chia đất nhưng sau đó đã chuyển nhượng cho người khác. Vợ chồng bị đơn sống chung với hai cụ từ khi lập gia đình, trực tiếp chăm sóc hai cụ cho đến khi chết và cũng được chia đất làm nhà, canh tác cùng thời điểm với nguyên đơn. Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất màu do vợ chồng bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Cao Xuân Q1 người cùng thôn; thửa đất số 42, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q bị đơn được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 2009, năm 2021 bị đơn tách thửa đất này thành 03 thửa đất 448, 449 và 450, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q và được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ, sau đó bị đơn đã chuyển nhượng thửa đất số 449 cho ông Mai Xuân B1, bà Nguyễn Thị N1 còn thửa đất số 450 đã tặng cho con trai Cao Xuân D; thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất màu chưa được cấp GCNQSDĐ; thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất màu đã được cấp GCNQSDĐ, sau đó bị đơn chuyển nhượng cho ông B1, bà N1 nhưng sau đó ông B1, bà N1 chuyển nhượng lại cho bị đơn và bị đơn đã được cấp GCNQSDĐ số DC 687271 ngày 29/11/2021. Toàn bộ diện tích đất của bị đơn được bố mẹ tặng cho bị đơn sử dụng và trước khi chết mẹ bị đơn có lập di chúc (di chúc có hai người làm chứng) tặng cho bị đơn các thửa đất này. Nay nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không chấp nhận.

Tại Bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà ông Cao Đức M1, bà Cao Thị H1, bà Cao Thị Đ, bà Cao Thị N và bà Cao Thị Q nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn và đề nghị Toà án chia thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ G, cụ T2 và xin hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bà Cao Thị Â nhất trí với lời trình bày của bị đơn và đề nghị Toà án không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn; nếu Toà án chia thừa kế thì bà nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bị đơn.

UBND huyện M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

UBND thị trấn Q, huyện M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

Tại Công văn số 122/CNVPĐKĐĐ ngày 17/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình trình bày: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số AP 448139 ngày 31/7/2009 với diện tích 1.741m^2 cho ông M, bà L; năm 2021 ông M, bà L xin tách thửa đất này thành 03 thửa đất là thửa số 448 được cấp GCNQSDĐ số DC 687954 ngày 22/10/2021 với diện tích 1.411m^2; thửa đất số 449 được cấp GCNQSDĐ số DC 687955 ngày 22/10/2021 với diện tích 154m^2 (thửa đất này sau đó ông M, bà L chuyển nhượng cho ông B1, bà N1 và ông bà này được cấp

GCNQSDĐ số DĐ 165743 ngày 15/12/2021) và thửa đất số 450 được cấp GCNQSDĐ số DC 687956 ngày 22/10/2021 với diện tích 176m^2. Thửa đất 65, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q đã được cấp GCNQSDĐ số DC 687271 ngày 29/11/2021 với diện tích 217m^2 cho ông M, bà L. Việc cấp GCNQSDĐ cho các đương sự đúng theo quy định nên Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2023 bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng thửa đất số 449, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q của ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L và vợ chồng bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DĐ 165743 ngày 15/12/2021. Vì vậy, bà đề nghị xem xét bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng bà.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2023 anh Cao Xuân D trình bày: Anh là con trai của ông M, bà L; năm 2021 anh được bố mẹ tặng cho thửa đất số 450, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q và anh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, anh đề nghị xem xét bảo vệ quyền lợi cho anh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 96, điểm a, c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013; các Điều 653, Điều 654 và Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 631, Điều 632 và 634 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Cao Đình C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Cao Văn G, cụ Đinh Thị T2 tại các thửa đất số 34, 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450), 46 và 65 tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Đình C về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M; của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L tại thửa đất số 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450) và 65 tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 03/3/2023 nguyên đơn là ông Cao Đình C có đơn kháng cáo, với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên có quan điểm Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật; ông Cao Đình C kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo

của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe: người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; Ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của ông Cao Đình C thì thấy:

Các bên đương sự đều tự xác định và thừa nhận cụ ông Cao Văn G, chết tháng 11 năm 2004; cụ bà Đinh Thị T2, chết năm 2010 là bố mẹ của ông Cao Đức M1, bà Cao Thị H1, bà Cao Thị Â, bà Cao Thị Đ, bà Cao Thị N, ông Cao Thanh M, ông Cao Đình C và bà Cao Thị Q. Thời gian còn sống hai cụ có tạo lập được một khối tài sản gồm: khai hoang được nhiều lô đất, được xác định bởi các thửa khác nhau. Trên đất các cụ có xây dựng một ngôi nhà cấp 4 (03 gian nhà) trên đất nhưng đến nay tài sản trên đất không còn. Sự thừa nhận này của các đương sự phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nên được coi là tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn xác định di sản của cụ ông Cao Văn G và cụ bà Đinh Thị T2 để lại bao gồm: thửa số 34, 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450), 46 và 65 tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Do hai cụ chết không để lại di chúc, di sản là các thửa đất trên hiện do vợ chồng ông Cao Thanh M và bà Đỗ Thị L quản lý, sử dụng nên đề nghị chia thừa kế theo pháp luật và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M; của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L.

- Các bị đơn cũng thừa nhận thửa đất số 42, 46, 65 có nguồn gốc là do các cụ khai hoang. Ngoài ra còn có các thửa số 61, diện tích 552m^2 thửa số 59, diện tích 1.388m^2; thửa số 45 diện tích 800m^2 và một thửa đất khác ông C đã bán. (Bút lục số 84).

Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Toàn bộ tài sản trên khi hai cụ còn sống đã phân chia cho các con năm 1988. Sau khi kê khai, đăng ký đến năm 2003 thì đất được quy chủ cho ông Cao Thanh M thửa đất số 42, 46, 65; ông Cao Đức M1 thửa số 61, diện tích 552m^2; thửa số 59, diện tích 1.388m^2. Còn lại 02 thửa quy chủ cho ông Cao Đình C: thửa số 45 diện tích 800m^2 và một thửa đất khác ông C đã bán (không có căn cứ xác định). Như vậy, có căn cứ xác định các thửa đất khai hoang trên đã được phân chia từ khi cả hai cụ còn sống nên hiện nay tài sản này không còn. Thửa đất số 34 có nguồn gốc là của ông Cao Xuân Q1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông M năm 1994 nên năm 2003 đã được quy chủ cho ông M nhưng nguyên đơn lại xác định là các thửa đất số 34, 42, 46, 65 là di sản thừa kế do cha mẹ để lại là không đúng.

Xét thấy, về nguồn gốc quá trình sử dụng diện tích đất khai phá nêu trên hai cụ Cao Văn G và cụ Đinh Thị T2 không thực hiện việc đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật đất đai năm 1987; khoản 5 Điều 13 Luật đất đai năm 1993; Điều 46 Luật đất đai năm 2003.

Quá trình sử dụng đất ông M đã thực hiện việc kê khai đăng ký theo quy định và đứng tên chủ sử dụng đất.

Căn cứ Sổ mục kê đất đai lập năm 2003 và năm 2011; tờ bản đồ địa chính lập năm 2003 và năm 2011 đang lưu trữ tại UBND thị trấn Q thể hiện thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất vườn được quy chủ mang tên ông Cao Thanh M; thửa đất số 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450), tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất ở và đất vườn được quy chủ tên ông Cao Thanh M; thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất màu được quy chủ tên ông Cao Thanh M và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q là đất màu được quy chủ tên ông Cao Thanh M (bút lúc số 207, 208, 209, 210, 211, 239, 240 và 243).

Ngày 21 tháng 7 năm 2009 ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ lần đầu số AP 448139 tại thửa đất số 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450), tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình lúc đó cụ Đinh Thị T2 đang còn sống nhưng cụ T2 và các đồng thừa kế, nguyên đơn là người sinh sống liền kề thửa đất nhưng không có ý kiến gì.

Tại Công văn số 122/CNVPĐKĐĐ ngày 17/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cũng thấy thể hiện: thửa đất số 42, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số AP 448139 ngày 31/7/2009 với diện tích 1.741m^2 cho ông M, bà L; năm 2021 ông M, bà L xin tách thửa đất này thành 03 thửa đất số 448 được cấp GCNQSDĐ số DC 687954 ngày 22/10/2021 với diện tích 1.411m^2; thửa đất số 449 được cấp GCNQSDĐ số DC 687955 ngày 22/10/2021 với diện tích 154m^2 (thửa đất này sau đó ông M, bà L chuyển nhượng cho ông B1, bà N1 và ông bà này được cấp GCNQSDĐ số DĐ 165743 ngày 15/12/2021) và thửa đất số 450 được cấp GCNQSDĐ số DC 687956 ngày 22/10/2021 với diện tích 176m^2. Thửa đất 65, tờ bản đồ số 21 thị trấn Q đã được cấp GCNQSDĐ số DC 687271 ngày 29/11/2021 với diện tích 217m^2 cho ông M, bà L. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông M, bà L là đúng theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông C cũng như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn cho rằng các thửa đất số 34, 42, 46, 65 là di sản thừa kế do cha mẹ để lại nhưng không xuất trình được giấy tờ gì để chứng minh nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2] Từ nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, ông Cao Đình C kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Do người kháng cáo là ông Cao Đình C không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn là ông Cao Đình C; giữ nguyên quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 96, điểm a, c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013; các Điều 653, Điều 654 và Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 631, Điều 632 và 634 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đình C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Cao Văn G, cụ Đinh Thị T2 tại các thửa đất số 34, 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450), 46 và 65 tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Đình C về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M; của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Cao Thanh M, bà Đỗ Thị L tại thửa đất số 42 (nay đổi thành các thửa đất số 448, 449 và 450) và 65 tờ bản đồ số 21 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Cao Đình C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005240 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Các quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái